

VN-Index giảm nhẹ 0,1%

Ngày báo cáo 17/6/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
 +8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index giảm nhẹ 0,1%

VN-Index giảm nhẹ 0,1% (-1,7 điểm) trong ngày thứ Tư, chốt phiên tại 1.806,2 điểm. Các doanh nghiệp bất động sản vốn hóa lớn VIC (-1,0%) và VHM (-1,1%) dẫn dắt đà giảm trong ngày. Toàn sàn ghi nhận 174 mã tăng, 129 mã giảm và 65 mã đi ngang. Thanh khoản tăng mạnh so với phiên trước, đạt 24,2 nghìn tỷ đồng.

- Cùng với VIC và VHM, các doanh nghiệp bất động sản khác như VRE (-1,7%), NVL (-1,1%) và KDH (-1,7%) cũng ghi nhận mức giảm. Ngược lại, BCM (+2,3%) tăng mạnh.
- Trong nhóm Ngân hàng, BID (+2,5%), CTG (+1,8%), LPB (+1,0%) và STB (+1,1%) bứt phá, trong khi ACB (-1,3%) và TCB (-0,9%) giảm điểm.
- Sau nhiều phiên tăng mạnh liên tiếp, các mã cổ phiếu ngành Dịch vụ Tài chính như TCX (-1,1%), VCK (-1,6%), VPX (-0,2%) và VIX (-0,3%) đã điều chỉnh giảm.
- Các mã giảm điểm đáng chú ý ở các nhóm ngành khác bao gồm công ty Công nghệ FPT (-1,2%), doanh nghiệp Dầu khí BSR (-1,7%), công ty thuộc nhóm Tiện ích GAS (-1,1%), doanh nghiệp sản xuất thép HPG (-0,8%) và tập đoàn Thực phẩm & Đồ uống MSN (-0,7%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1806,2	330,2	127,1
% Δ	-0,1%	3,3%	0,3%
- % Δ 1 tuần	0,1%	9,6%	1,1%
- % YTD	1,2%	31,8%	5,2%
- % YOY	34,0%	44,7%	28,5%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$920,5	\$39,8	\$23,1
- TB 1 tháng (triệu)	\$784,2	\$41,8	\$18,4
- TB 1 năm (triệu)	\$1.144,2	\$79,5	\$31,1
- TB QTD	\$866,6	\$46,7	\$20,3
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-27,9%	-40,3%	-43,0%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$62,5	\$1,1	\$0,3
- Bán (triệu)	\$183,2	\$2,0	\$1,1
- GT ròng (triệu)	-\$120,7	-\$0,9	-\$0,8
Độ rộng TT			
Mã tăng	181	68	141
Mã giảm	135	60	137
Không đổi	108	175	579
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	324,8	19,3	51,7
P/E trượt 12T	13,3	12,3	16,5
LS cổ tức*	2,4%	5,4%	3,3%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.959,9	24.529	1.198,6
VN30F2M	1.957,3	10.159	50,9
VN30F1Q	1.957,7	562	0,5
VN30F2Q	1.960,5	245	0,1
VN100F1M	1.888,7	27	0,1
VN100F2M	1.881,7	10	0,1
VN100F1Q	1.884,3	16	0,0
VN100F2Q	1.898,9	7	-
USD/VND		26.298	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, việc VN-Index tiếp tục vận động trên MA5 cho thấy đà hồi phục ngắn hạn vẫn được duy trì. Theo đó, chỉ số vẫn có khả năng hướng lên vùng kháng cự gần 1.835-1.840 điểm, với hỗ trợ gần tại 1.800 điểm và hỗ trợ quan trọng hơn tại 1.775 điểm. Tuy nhiên, lực cầu chưa lan tỏa đồng đều trên các nhóm ngành khiến tín hiệu bứt phá mạnh chưa rõ ràng.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Ngành Năng lượng: Chi đầu tư của PVN tăng tốc cho thấy chu kỳ thăm dò & khai thác (E&P) phục hồi mạnh; tích cực cho PVS, PVD, GAS, PVB và PVC
- CTR ghi nhận tăng trưởng LNTT sơ bộ 23% YoY trong 5T 2026
- CTR chốt ngày giao dịch không hưởng quyền 08/07/2026 để trả cổ tức bằng tiền mặt năm tài chính 2025 ở mức 1.500 đồng/cổ phiếu và cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 12%
- F88: Giá chào bán ra công chúng là 71.000 đồng/cổ phiếu, cho thấy điểm tham gia hấp dẫn
- VHM quyết định dừng mở rộng quỹ đất tại Việt Nam; chuyển trọng tâm sang tập trung gia tăng giá trị và chất lượng phát triển cho các quỹ đất hiện hữu
- VNM: Ngày 26/06 sẽ là ngày giao dịch không hưởng quyền đối với đợt chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm tài chính 2025, ở mức 1.850 đồng/cổ phiếu (lợi suất 3,1%)
- GVR: Ban lãnh đạo duy trì quan điểm lạc quan về giá cao su và tiến độ chuyển đổi đất; KQKD sơ bộ 5T 2026 vượt kỳ vọng - Báo cáo ĐHCĐ

Báo cáo trong ngày

- Báo cáo Ngành Nhựa PVC: Chính sách hạn chế cạnh tranh tiêu cực của Trung Quốc báo hiệu bước ngoặt mang tính cấu trúc đối với giá đầu vào cho ống nhựa PVC; tác động ngắn hạn từ căng thẳng Trung Đông
- BMP: Lợi nhuận năm 2026 tiếp tục duy trì ở mức cao, cổ tức tiền mặt cao, định giá hấp dẫn - Cập nhật
- FRT: Động lực tăng trưởng từ mảng chăm sóc sức khỏe duy trì khả quan; mảng ICT tiếp tục phục hồi - Cập nhật

Điểm tin & Nhận định nhanh

Ngành Năng lượng: Chi đầu tư của PVN tăng tốc cho thấy chu kỳ thăm dò & khai thác (E&P) phục hồi mạnh; tích cực cho PVS, PVD, GAS, PVB và PVC

* Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) công bố kết quả 5T 2026 khả quan, với vốn đầu tư XDCB tăng 75% YoY, theo ước tính của chúng tôi đạt 22,9 nghìn tỷ đồng. Mức tăng này tiếp tục tăng tốc so với tăng trưởng +45% YoY trong năm 2025 và +58% YoY trong 2T 2026. Tốc độ tăng trưởng này hỗ trợ mạnh cho dự báo của chúng tôi về tăng trưởng +63% YoY của chi tiêu E&P trong năm 2026 (2 tỷ USD), qua đó củng cố kỳ vọng của chúng tôi về sự phục hồi rõ nét của chu kỳ đầu tư thượng nguồn tại Việt Nam.

* Sản lượng khai thác dầu thô của Petrovietnam cũng tăng 14% YoY trong 5T 2026, tăng tốc so với mức +10% YoY trong 2T 2026, nhằm hỗ trợ an ninh năng lượng.

* Ngoài ra, PVN đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu 10%/năm trong giai đoạn 2026-2030 và hướng tới trở thành một trong 500 doanh nghiệp lớn nhất thế giới vào năm 2030, qua đó tiếp tục củng cố định hướng đầu tư và mở rộng của tập đoàn.

* Chúng tôi cho rằng sự phục hồi từ vốn đầu tư XDCB này sẽ trực tiếp mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mỏ dầu khí và hạ tầng, bao gồm PVS (M&C ngoài khơi, FSO/FPSO), PVD (khoan), GAS (hạ tầng trung nguồn), cũng như các nhà cung cấp dịch vụ liên quan khác như PVB và PVC.

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với PVS với giá mục tiêu 60.000 đồng/cổ phiếu, PVD với giá mục tiêu 40.300 đồng/cổ phiếu và GAS với giá mục tiêu 93.600 đồng/cổ phiếu.

CTR ghi nhận tăng trưởng LNTT sơ bộ 23% YoY trong 5T 2026

* **KQKD sơ bộ 5T 2026:** Doanh thu đạt 6,6 nghìn tỷ đồng (+34% YoY), trong khi LNTT đạt 327,6 tỷ đồng (+23% YoY), lần lượt hoàn thành 47% và 38% dự báo cả năm của chúng tôi. Doanh thu vượt kỳ vọng nhờ duy trì đà tăng trưởng tích cực của mảng xây dựng và giải pháp điện năng lượng mặt trời trong mảng giải pháp tích hợp & dịch vụ kỹ thuật, qua đó bù đắp cho kết quả kém tích cực của mảng hạ tầng cho thuê. Trong khi đó, LNTT thấp hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi, chủ yếu do tăng trưởng chậm hơn ở mảng hạ tầng cho thuê.

* **Mảng vận hành khai thác (doanh thu +6% YoY; hoàn thành 40% dự báo cả năm của chúng tôi)** tiếp tục được hỗ trợ bởi các hoạt động triển khai ổn định trong nước và quốc tế, cùng với nhu cầu duy trì từ hệ sinh thái vận hành và bảo dưỡng mạng lưới của Viettel.

* **Mảng hạ tầng cho thuê (doanh thu +15% YoY; hoàn thành 38% dự báo cả năm của chúng tôi):** Tính đến cuối tháng 5/2026, số lượng trạm của CTR duy trì ở mức 12.000 trạm, không đổi so với cuối năm 2025, qua đó cho thấy không có trạm mới được bổ sung trong 5 tháng gần đây, báo hiệu rằng CTR đang chậm tiến độ so với mục tiêu đạt 1.000 trạm mới trong năm 2026. Số trạm dùng chung tăng lên 526 trạm vào cuối tháng 5 (so với 495 trạm vào cuối tháng 4), trong khi tỷ lệ dùng chung trạm gần như không thay đổi ở mức 1,04 lần, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

* **Mảng xây dựng (doanh thu +70% YoY; hoàn thành 44% dự báo cả năm của chúng tôi):** Trong 5T 2026, mảng xây dựng của CTR ghi nhận doanh thu 2,5 nghìn tỷ đồng, được thúc đẩy bởi đã triển khai tích cực của nhiều dự án nhà ở xã hội, nhà ở cao cấp và dự án khách sạn/khu nghỉ dưỡng mới khởi công, với tỷ trọng đóng góp doanh thu hiện đã tiệm cận mảng vận hành khai thác, tức mảng lớn nhất của CTR. Tổng backlog đã ký đạt 2,1 nghìn tỷ đồng tính đến 5T 2026, bao gồm 1,2 nghìn tỷ đồng từ nhóm khách hàng B2C & SME và 1,3 nghìn tỷ đồng từ khách hàng B2B.

* **Mảng giải pháp tích hợp & dịch vụ kỹ thuật (doanh thu +67% YoY; hoàn thành 47% dự báo cả năm của chúng tôi):** Tăng trưởng tiếp tục được thúc đẩy bởi mảng giải pháp điện năng lượng mặt trời trong bối cảnh nhu cầu thị trường duy trì ở mức cao. Riêng trong tháng 5, CTR đã ký thêm 2.000 hợp đồng điện năng lượng mặt trời mới (+120% YoY), qua đó nâng tỷ lệ phủ sóng pin năng lượng mặt trời toàn quốc lên 43% (1.439/3.321 xã/phường).

CTR chốt ngày giao dịch không hưởng quyền 08/07/2026 để trả cổ tức bằng tiền mặt năm tài chính 2025 ở mức 1.500 đồng/cổ phiếu và cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 12%

* Tổng CTCP Công trình Viettel (CTR) thông báo ngày 08/07/2026 là ngày giao dịch không hưởng quyền để thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm tài chính 2025 với mức 1.500 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 1,8%) và trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12%. Thông tin này nhất quán với nghị quyết đã được thông qua tại ĐHCĐ năm 2026 của công ty.

F88: Giá chào bán ra công chúng là 71.000 đồng/cổ phiếu, cho thấy điểm tham gia hấp dẫn

* CTCP Đầu tư F88 (F88) đã công bố giá chào bán ra công chúng ở mức 71.000 đồng/cổ phiếu cho 22 triệu cổ phiếu tương đương 10% số cổ phiếu đang lưu hành và 9% tỷ lệ sở hữu sau chào bán, qua đó dự kiến huy động khoảng 1,56 nghìn tỷ đồng tương đương ~59 triệu USD.

* Giá chào bán thấp hơn gần 11% so với giá đóng cửa gần nhất. Định giá tại mức giá chào bán như sau:

		12T gần nhất	Dự báo 2026	Dự báo 2027
Trước chào bán	P/B (x)	5,8	4,5	3,3
	P/E (x)	18,3	15,8	12,3
Sau chào bán	P/B (x)	4,0	3,4	2,7
	P/E (x)	20,1	17,4	13,6

Nguồn: Dữ liệu công ty, dự báo của Vietcap

* Tiến độ thực hiện: Phụ thuộc vào phê duyệt của UBCKNN. F88 dự kiến sử dụng nguồn vốn huy động để giải ngân cho vay trong năm 2026.

Quan điểm của chúng tôi:

* Chúng tôi chưa đưa kế hoạch huy động vốn này vào định giá hiện tại, nhưng đánh giá đây là yếu tố tích cực đối với câu chuyện đầu tư trung hạn của F88. Giá mục tiêu hiện tại của chúng tôi là 84.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng mức sinh lời 18% so với giá chào bán. Do đó, chúng tôi cho rằng mức giá này tạo ra điểm tham gia chiết khấu hấp dẫn trước kế hoạch chuyển sàn từ UPCoM sang HOSE của F88, cũng dự kiến trong năm 2026.

* Nguồn vốn huy động sẽ hỗ trợ F88 mở rộng mạng lưới lên 1.500 phòng giao dịch vào năm 2027, từ mức 956 phòng giao dịch hiện tại theo mục tiêu của công ty, đồng thời củng cố triển vọng CAGR doanh thu/lợi nhuận khoảng 30% và ROE trung bình 32% theo dự báo hiện tại của chúng tôi trong giai đoạn 2025-2027. Là chuỗi cấm đỏ hiện đại dẫn đầu tại Việt Nam, F88 sở hữu các lợi thế cạnh tranh mang tính cấu trúc cho tăng trưởng bền vững dài hạn, bao gồm quy mô, nhận diện thương hiệu, mô hình vận hành chuẩn hóa và khả năng tiếp cận tệp khách hàng lớn chưa được phục vụ bởi hệ thống ngân hàng. Chúng tôi kỳ vọng đợt phát hành sẽ giúp mở rộng cơ sở cổ đông và giảm phụ thuộc vào nguồn vốn vay chi phí cao. Dù mặt bằng lãi suất cao vẫn là yếu tố bất lợi cần theo dõi, chúng tôi cho rằng chi phí vốn cải thiện, hiệu quả sử dụng vốn tốt hơn và động lực tăng trưởng mạnh sẽ giúp bù đắp áp lực ngắn hạn lên chất lượng tài sản trong bối cảnh biến động vĩ mô vẫn ở trong tầm kiểm soát.

VHM quyết định dừng mở rộng quỹ đất tại Việt Nam; chuyển trọng tâm sang tập trung gia tăng giá trị và chất lượng phát triển cho các quỹ đất hiện hữu

* Theo truyền thông trong nước đưa tin, Chủ tịch HĐQT CTCP Vinhomes (VHM) cho biết VHM sẽ ngừng mở rộng quỹ đất tại Việt Nam theo chỉ đạo của Chủ tịch VIC. Ban lãnh đạo nhấn mạnh quyết định này không đồng nghĩa với việc rút khỏi thị trường bất động sản. Thay vào đó, VHM sẽ tập trung tối đa hóa giá trị tạo ra từ các dự án hiện hữu và nâng cao chất lượng phát triển thay vì tiếp tục tìm kiếm quỹ đất mới. Theo ban lãnh đạo, VHM đã tích lũy được quỹ đất đủ lớn để duy trì hoạt động phát triển liên tục trong 5-7 năm tới và duy trì vị thế dẫn đầu trên thị trường bất động sản Việt Nam. Dù không tiếp tục mở rộng quỹ đất trong nước, VHM vẫn sẽ tìm kiếm các cơ hội tại thị trường quốc tế.

* Quan điểm của chúng tôi:

* Hiện VHM sở hữu quỹ đất nhà ở với tổng diện tích 368,8 triệu m² đất (83% chưa phát triển), cùng quỹ đất khu công nghiệp 21,0 triệu m² (84% chưa phát triển). Theo ước tính của chúng tôi, quỹ đất hiện tại đủ để đảm bảo khoảng 20 năm phát triển dự án.

* Bên cạnh đó, VIC/VHM cũng cho thấy sự quan tâm tới một số cơ hội bất động sản ở thị trường quốc tế. Tuy nhiên, đến nay các dự án này vẫn đang ở giai đoạn kí kết MOU và chưa có thêm thông tin chi tiết được công bố.

VNM: Ngày 26/06 sẽ là ngày giao dịch không hưởng quyền đối với đợt chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm tài chính 2025, ở mức 1.850 đồng/cổ phiếu (lợi suất 3,1%)

* CTCP Sữa Việt Nam (VNM) đã công bố ngày giao dịch không hưởng quyền đối với đợt chi trả cổ tức tiền mặt 1.850 đồng/cổ phiếu (lợi suất 3,1%) là ngày 26/06/2026 (đợt chi trả cổ tức cuối cùng của năm tài chính 2025). Ngày thanh toán dự kiến là ngày 17/07/2026.

* Thông báo chi trả cổ tức này phù hợp với phương án đã được cổ đông thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2026 của VNM và nhìn chung cũng phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

GVR: Ban lãnh đạo duy trì quan điểm lạc quan về giá cao su và tiến độ chuyển đổi đất; KQKD sơ bộ 5T 2026 vượt kỳ vọng - Báo cáo ĐHCĐ

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR) vào ngày 17/6/2026.

* Cổ đông đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 với tổng thu nhập (bao gồm doanh thu, doanh thu tài chính, lợi nhuận từ công ty LDLK, và thu nhập khác) là 33,8 nghìn tỷ đồng (+4% YoY), LNTT đạt 6,9 nghìn tỷ đồng (-2% YoY), và LNST 5,6 nghìn tỷ đồng (-7% YoY), lần lượt tương đương 100%, 81% và 77% dự báo tương ứng cho cả năm của chúng tôi. Kết quả LNST của GVR trong các năm 2022/23/24/25 lần lượt tương đương 90%/79%/140%/121% kế hoạch đề ra vào đầu mỗi năm.

* GVR công bố LNTT sơ bộ 5T 2026 đạt 3,9 nghìn tỷ đồng (+30% YoY), hoàn thành 56% kế hoạch năm 2026 của GVR và tương đương 46% dự báo cho cả năm của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với các dự báo năm 2026 của chúng tôi cho GVR, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Cổ đông đã thông qua mức cổ tức 4% trên mệnh giá cho năm tài chính 2025 và tỷ lệ phân phối cổ tức tối thiểu 4% trên mệnh giá cho năm tài chính 2026. GVR đã chi trả toàn bộ cổ tức bằng tiền mặt trong các năm trước. Hiện tại, chúng tôi giả định mức cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính 2025 và 2026 lần lượt là 600 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 1,7%) và 800 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 2,3%). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

Báo cáo Ngành Nhựa PVC - Chính sách hạn chế cạnh tranh không lành mạnh của Trung Quốc báo hiệu bước ngoặt mang tính cấu trúc đối với giá đầu vào cho ống nhựa PVC; tác động ngắn hạn từ căng thẳng Trung Đông

* Báo cáo Ngành này tập trung vào: (1) chính sách hạn chế cạnh tranh không lành mạnh (anti-involution policy) của Trung Quốc đối với PVC, (2) việc bãi bỏ hoàn thuế xuất khẩu PVC 13%, (3) các yếu tố nền tảng của thị trường PVC Trung Quốc, và (4) tác động của xung đột Trung Đông đến thị trường PVC và dự báo biên lợi nhuận năm 2026 của BMP.

* **Chính sách hạn chế cạnh tranh không lành mạnh của Trung Quốc hiện nhắm vào ngành nhựa PVC:** Bước ngoặt mang tính cấu trúc đối với giá hạt nhựa PVC. Vào tháng 3/2026, Bộ Công nghiệp và Công nghệ Thông tin Trung Quốc (MIIT) đã ban hành “Kế hoạch Hành động nhằm Đẩy mạnh Cải tạo và Nâng cấp các Cơ sở hạ tầng Lỗi thời trong Ngành Hóa chất và Hóa dầu (Giai đoạn 2026–2029)”. Theo đó, PVC là một trong những ngành trọng điểm chịu sự điều chỉnh của chính sách giảm thiểu cạnh tranh không lành mạnh. Các nhà máy cũ sẽ phải trải qua kiểm toán bắt buộc và nâng cấp để đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về môi trường và hiệu suất năng lượng, nếu không sẽ bị buộc đóng cửa. Chúng tôi đánh giá đây là một bước ngoặt mang tính cấu trúc, tương tự như nhận định trước đây đối với ngành thép: đây là cột mốc đánh dấu sự khởi đầu của chu kỳ phục hồi giá PVC nhờ cắt giảm công suất. Dù vậy, tốc độ hồi phục giá sẽ diễn ra chậm và dần dần do việc cắt giảm nguồn cung cần thời gian, và các yếu tố nền tảng tại Trung Quốc vẫn tương đối yếu (nhu cầu thấp và nguồn cung còn neo cao). Thông tin chi tiết về chính sách hạn chế cạnh tranh nội bộ của Trung Quốc trong ngành thép có thể được tham khảo trong [báo cáo công bố ngày 12/08/2025 của chúng tôi](#). Ở một diễn biến khác, việc Trung Quốc chính thức bãi bỏ mức hoàn thuế xuất khẩu 13% đối với PVC từ tháng 4/2026 đã loại bỏ “vùng đệm biên lợi nhuận” của các nhà sản xuất nội địa. Chúng tôi kỳ vọng các doanh nghiệp Trung Quốc sẽ tăng giá xuất khẩu để bù đắp chi phí, dù khó có thể chuyển giao hoàn toàn tỷ lệ 13% này vào giá bán. Động thái này là một phần trong chiến dịch hạn chế cạnh tranh không lành mạnh của Bắc Kinh. Việc giá xuất khẩu PVC từ Trung Quốc tăng sẽ kéo mặt bằng giá toàn cầu đi lên, từ đó làm gia tăng áp lực chi phí đầu vào đối với BMP.

* **Các yếu tố nền tảng của thị trường PVC Trung Quốc vẫn ở mức yếu, qua đó củng cố quan điểm của chúng tôi về sự phục hồi chậm và dần dần của giá đầu vào.** Thị trường PVC Trung Quốc hiện vẫn chịu áp lực lớn từ mức tồn kho cao, tình trạng dư cung mang tính cấu trúc (công suất tăng tới 7% YoY trong năm 2025, dù dự kiến sẽ đi ngang trong năm 2026), và nhu cầu xây dựng nội địa trì trệ kéo dài nhiều năm. Dù đối mặt với làn sóng thua lỗ kéo dài, các nhà sản xuất Trung Quốc vẫn chưa thể chủ động cắt giảm công suất do mối liên kết cấu trúc chặt chẽ giữa PVC và xút (caustic soda). Cụ thể, quy trình điện phân clo-alkali đồng thời tạo ra xút và clo theo một tỷ lệ gần như cố định. Do clo là chất độc hại và rất khó lưu trữ, các doanh nghiệp bắt buộc phải tiêu thụ clo ở các công đoạn hạ nguồn, trong đó PVC là kênh hấp thụ chính khi tiêu thụ khoảng 40% tổng sản lượng clo toàn Trung Quốc. Hệ quả là, các nhà sản xuất vẫn duy trì vận hành PVC ngay cả khi thua lỗ, miễn là biên lợi nhuận từ xút đủ lớn để bù đắp. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng “vùng đệm” này đang dần suy yếu khi biên lợi nhuận của xút cũng đang sụt giảm, từ đó mở ra triển vọng về một làn sóng tái cấu trúc và cắt giảm công suất rõ nét hơn trong thời gian tới.

* **Xung đột Trung Đông thúc đẩy chi phí đầu vào tăng mạnh trong ngắn hạn; biên lợi nhuận của BMP dự kiến duy trì tích cực trong quý 2 nhưng sẽ bình thường hóa vào nửa cuối năm 2026.** Căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông đã đẩy giá PVC gốc ethylene tăng mạnh, ghi nhận mức tăng 87% tại đỉnh điểm (so với cuối năm 2025) và tăng 27% YTD. Nhằm bảo vệ biên lợi nhuận, BMP cùng các nhà sản xuất khác trong ngành đã đồng loạt nâng giá niêm yết từ cuối tháng 3 và đầu tháng 4 (với mức tăng khoảng 15% cho PVC, 30% cho HDPE và 15% cho PPR). Theo đó, chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận Q2/2026 của công ty sẽ tiếp tục neo ở mức cao nhờ lượng tồn kho giá thấp đã được trữ cho cả nửa đầu năm (theo chia sẻ từ ban lãnh đạo). Tuy nhiên, áp lực sẽ trở lại vào nửa cuối năm khi nguồn tồn kho giá rẻ này cạn kiệt, đồng thời BMP có thể phải tăng chiết khấu

thương mại để bảo vệ sản lượng tiêu thụ trong bối cảnh giá đầu vào hạ nhiệt và cạnh tranh gia tăng. Theo kịch bản cơ sở của chúng tôi (xung đột Trung Đông hạ nhiệt từ khoảng giữa năm 2026), tác động từ biến động địa chính trị này chỉ mang tính ngắn hạn và chủ yếu gói gọn trong năm 2026. Trong khi đó, những thay đổi mang tính cấu trúc và dài hạn từ chính sách của Trung Quốc như đã phân tích ở trên mới là động lực khiến chi phí đầu vào tiếp tục tăng sau năm 2026.

*** Hệ quả đối với BMP (khuyến nghị MUA với giá mục tiêu là 163.000 đồng/cổ phiếu).** Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu BMP nhưng điều chỉnh giảm giá mục tiêu xuống 163.000 đồng/cổ phiếu. Động thái hạ giá mục tiêu này nhằm phản ánh việc chúng tôi giảm dự báo lợi nhuận và biên lợi nhuận của doanh nghiệp trước áp lực chi phí đầu vào tăng mang tính cấu trúc từ phía Trung Quốc. Trong ngắn hạn, biên lợi nhuận Q2/2026 dự kiến vẫn khả quan trước khi bình thường hóa vào nửa cuối năm. Dù vậy, BMP vẫn là một cổ phiếu phòng thủ hấp dẫn với định giá P/E dự phóng năm 2026/2027 lần lượt ở mức 9,4 lần/9,7 lần – thấp hơn bình quân 5 năm/10 năm qua lần lượt là 11,4 lần/11,3 lần, đi kèm tỷ suất cổ tức dự phóng 12 tháng tới ở mức cao, đạt 10,5%.

* Thông tin chi tiết hơn về BMP có thể được tham khảo tại Báo cáo Cập nhật BMP mới nhất (ngày 17/06/2026) của chúng tôi.

BMP: Lợi nhuận năm 2026 tiếp tục duy trì ở mức cao, cổ tức tiền mặt cao, định giá hấp dẫn - Cập nhật

Ngành	Nhựa		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	17/06/2026	TT Doanh thu	19%	23%	12%	7%
Giá hiện tại	147.400 VND	TT LNST-CĐTTS	24%	5%	-3%	-6%
Giá mục tiêu	163.000 VND	TT EPS	24%	5%	-3%	-6%
Giá mục tiêu gần nhất	192.500 VND	Biên LN gộp	46,1%	46,1%	43,7%	41,0%
DPS 12 tháng tới	15.500 VND	Biên LN ròng	22,3%	19,0%	16,5%	14,4%
TL tăng	+10,6%	EV/EBITDA	5,5x	5,2x	5,3x	5,5x
Lợi suất cổ tức	10,5%	P/E	9,9x	9,4x	9,7x	10,4x
Tổng mức sinh lời	+21,1%	P/B	4,2x	4,2x	4,1x	4,1x
GT vốn hóa	11,7 nghìn tỷ đồng				BMP	VNI
Room KN	2,3 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)			9,7x	14,8x
GTGD/ngày (30n)	13,2 tỷ đồng	P/B (ht)			3,8x	1,8x
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROE			41,5%	12,8%
SL cổ phiếu lưu hành	81,9 tr	ROA			33,9%	2,0%
Pha loãng	81,9 tr					

* Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với BMP nhưng điều chỉnh giảm 15% giá mục tiêu xuống còn 163.000 đồng/cổ phiếu (từ mức 192.500 đồng/cổ phiếu). Giá cổ phiếu đã giảm 16% kể từ Báo cáo Cập nhật gần nhất của chúng tôi.

* Việc điều chỉnh giảm giá mục tiêu phản ánh (1) hạ hệ số P/E mục tiêu xuống 11,0 lần (từ mức 13,0 lần) và (2) điều chỉnh giảm dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS các năm 2026/27/28/29/30 lần lượt 8%/8%/7%/9%/11%, các yếu tố này được bù đắp một phần bởi việc cập nhật thời gian định giá mục tiêu sang giữa năm 2027. Chúng tôi hạ P/E mục tiêu xuống 11,0 lần, phù hợp với mức trung bình 5 năm và 10 năm, phản ánh triển vọng mang tính cấu trúc kém thuận lợi hơn đối với biên lợi nhuận của BMP, khi động thái cắt giảm công suất PVC của Trung Quốc theo chính sách chống cạnh tranh không lành mạnh (anti-involution policy), tạo áp lực chi phí đầu vào cao hơn sau năm 2026.

* Chúng tôi hạ dự báo lợi nhuận giai đoạn 2026–30 chủ yếu do (1) giá định giá đầu vào cao hơn, qua đó phản ánh sự thay đổi chính sách của Trung Quốc, và (2) mức chiết khấu thương mại cao hơn. Các yếu tố này được bù đắp một phần bởi dự báo giá bán trung bình (ASP) cao hơn, do BMP đã tăng giá bán trong tháng 4/2026 (PVC: khoảng 15%, HDPE: khoảng 30%, PPR: khoảng 15%) nhằm chuyển phần chi phí đầu vào tăng do xung đột Trung Đông sang giá bán, và (3) dự báo thu nhập tài chính trung bình tăng khoảng 18%/năm, nhờ mặt bằng lãi suất cao hiện tại và số dư tiền mặt thuần cao của BMP. Khi xung đột hạ nhiệt và chi phí đầu vào giảm, chúng tôi kỳ vọng giá bán

thực tế sẽ giảm khi BMP tăng chiết khấu thay vì giảm giá niêm yết, do đó chúng tôi dự báo mức chiết khấu sẽ cao hơn trong giai đoạn 2026–2030.

* Chúng tôi điều chỉnh giảm 8% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026, chủ yếu do giá đầu vào cao hơn (liên quan đến thay đổi chính sách của Trung Quốc và xung đột Trung Đông) cùng mức chiết khấu cao hơn. Các yếu tố này được bù đắp một phần bởi lượng tồn kho chi phí thấp đã được trữ cho đến hết nửa đầu năm 2026 (theo ban lãnh đạo), mức ASP cao hơn (kể từ tháng 4), và thu nhập tài chính cao hơn.

* Mặc dù triển vọng lợi nhuận ngắn hạn kém tích cực hơn, định giá của BMP vẫn ở mức hấp dẫn, với P/E dự phóng năm 2026/27 lần lượt là 9,4 lần/9,7 lần, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 5 năm/10 năm lần lượt là 11,4 lần/11,3 lần. Chúng tôi dự báo cổ tức tiền mặt ở mức cao, với DPS tiền mặt năm 2026 đạt 15.500 đồng/cổ phiếu (tỷ lệ chi trả 99%), tương ứng với lợi suất cổ tức 12 tháng tới là 10,5%.

* Rủi ro: Xung đột Trung Đông leo thang trở lại, mức chiết khấu cao hơn dự kiến do áp lực cạnh tranh.

FRT: Động lực tăng trưởng từ mảng chăm sóc sức khỏe duy trì khả quan; mảng ICT tiếp tục phục hồi - Cập nhật

Ngành	Bán lẻ		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	17/06/2026	TT Doanh thu	27%	25%	16%	11%
Giá hiện tại	132.000 VND	TT EPS	150%	44%	43%	25%
Giá mục tiêu	180.100 VND	Biên LN gộp	19,6%	19,9%	20,2%	20,3%
Giá mục tiêu gần nhất	178.800 VND	Biên LN ròng	1,6%	1,8%	2,2%	2,5%
TL tăng	+36,4%	EV/EBITDA	15,9x	10,8x	8,1x	6,8x
Lợi suất cổ tức	0,0%	P/E	28,3x	19,7x	13,8x	11,0x
Tổng mức sinh lời	+36,4%	ROE	26,1%	24,2%	26,7%	25,7%
GT vốn hóa	23 nghìn tỷ đồng		FRT	VNI		
Room KN	4 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)	24,6x	14,8x		
GTGD/ngày (30n)	65,8 tỷ đồng	P/B (ht)	5,0x	2,0x		
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROE	28,0%	15,1%		
SL cổ phiếu lưu hành	170,3 tr	ROA	4,3%	2,2%		
Pha loãng	170,3 tr					

* Chúng tôi tiếp tục duy trì khuyến nghị MUA và điều chỉnh tăng nhẹ 1% giá mục tiêu của CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số (FRT) lên mức 180.100 đồng/cổ phiếu.

* Mức tăng nhẹ của chúng tôi đối với giá mục tiêu chủ yếu đến từ việc chúng tôi tăng định giá của chuỗi nhà thuốc Long Châu (LC) lên thêm 3% (nhờ mức tăng đối với dự báo số lượng cửa hàng trong giai đoạn 2026–2036), qua đó phản ánh dư địa tăng trưởng còn lớn của thị trường nhà thuốc hiện đại tại Việt Nam, cùng với tác động tích cực từ việc cập nhật mô hình định giá sang giữa năm 2027. Các yếu tố này giúp bù đắp cho việc chúng tôi giảm 25% định giá của FPT Shop (do giảm giá định tỷ suất lợi nhuận trong giai đoạn 2026–2030).

* Chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm tích cực của chúng tôi rằng LC sẽ đóng vai trò là động lực dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận chính của FRT, đồng thời kỳ vọng FPT Shop sẽ duy trì có lãi ròng đến năm 2030. Mặc dù tốc độ tăng trưởng doanh thu của chuỗi nhà thuốc có thể chậm lại sau giai đoạn mở rộng nhanh hậu hòa vốn, nhưng thị trường nhìn chung vẫn còn nhiều cơ hội hợp nhất, đồng thời, quy mô ngày càng lớn của Long Châu sẽ tiếp tục hỗ trợ cho đà tăng trưởng của biên lợi nhuận. Trong dài hạn, các mảng kinh doanh chăm sóc sức khỏe khác, đặc biệt là dịch vụ tiêm chủng, được kỳ vọng sẽ trở thành động lực tăng trưởng bổ sung và bắt đầu đóng góp lợi nhuận từ năm 2027.

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của FRT sẽ tăng 44% YoY, chủ yếu nhờ mức tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTS (47% YoY) của Long Châu. Mức tăng trưởng này được hỗ trợ bởi tăng trưởng doanh thu trên cùng cửa hàng (SSSG), hoạt động mở rộng mạng lưới cửa hàng, và sự cải thiện của biên lợi nhuận nhờ cơ cấu sản phẩm tốt hơn cùng đòn bẩy hoạt động. Chúng

tôi cũng kỳ vọng LNST sau lợi ích CĐTS của FPT Shop sẽ tăng 20% YoY từ mức nền thấp của năm 2025, nhờ đà tăng trưởng mạnh hơn của doanh thu.

* FRT hiện đang giao dịch ở mức P/E dự phóng năm 2026/2027 lần lượt là 19,7x/13,8x và PEG 5 năm ở mức 0,6x. Chúng tôi cho rằng đây là mức định giá tương đối hấp dẫn khi xét đến triển vọng tăng trưởng dài hạn tích cực của công ty, với tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2025-2030 dự kiến đạt 31%.

* **Yếu tố hỗ trợ/rủi ro:** Số lượng cửa hàng mở mới và tỷ suất lợi nhuận của Long Châu cao hơn/thấp hơn kỳ vọng; tỷ suất lợi nhuận của FPT Shop cao hơn/thấp hơn kỳ vọng.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GTGD/30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	82%	59	0,0	11.000	25.500	132%	0,0%	132%	KQ	17/01/25	31,1	7,4	13,3	0,9
DGC	Công nghiệp	44%	691	2,3	47.850	91.200	91%	6,3%	97%	MUA	02/03/26	6,4	6,1	13,3	1,2
KDH	Bất động sản	25%	994	3,6	23.300	42.600	83%	0,0%	83%	MUA	11/05/26	26,3	17,3	18,9	1,4
SZC	KCN	19%	162	0,7	23.750	42.400	79%	4,2%	83%	KQ	01/07/25	13,5	12,1	18,9	1,3
TV2	Điện & Nước	7%	75	0,3	29.100	49.000	68%	3,4%	72%	MUA	22/04/26	33,1	11,6	12,0	1,5
NLG	Bất động sản	10%	510	1,8	27.650	45.800	66%	1,8%	67%	MUA	11/05/26	16,1	19,7	18,9	1,1
HVN	Hàng không	22%	2.673	0,5	22.600	37.100	64%	0,0%	64%	KQ	22/07/25	9,6	8,1	22,6	6,8
BMI	Bảo hiểm	23%	84	0,1	14.600	23.100	58%	3,4%	62%	MUA	12/04/24	9,7	5,8	12,8	0,7
PVT	Dầu khí	36%	388	3,4	19.750	30.800	56%	5,1%	61%	MUA	13/03/26	9,3	6,4	12,0	1,1
PVS	Dầu khí	33%	739	4,9	38.000	60.000	58%	0,0%	58%	MUA	08/05/26	13,3	13,1	16,2	1,3
VGC	KCN	48%	749	0,7	43.950	66.800	52%	5,0%	57%	MUA	11/05/26	14,8	12,3	13,6	2,2
PLC	Dầu khí	49%	65	0,2	21.200	31.900	50%	4,7%	55%	MUA	12/09/25	126,2	6,8	13,3	1,4
HDG	Điện & Nước	33%	331	1,1	21.400	32.900	54%	0,0%	54%	MUA	23/03/26	12,7	10,4	18,9	1,3
HPG	VLXD	27%	7.702	20,2	24.000	35.400	48%	1,9%	49%	MUA	12/05/26	13,4	8,0	15,5	1,5
DCM	Phân bón	40%	730	3,8	36.300	51.000	40%	6,9%	47%	MUA	25/05/26	10,7	6,6	13,3	1,7
PTB	Công nghiệp	9%	141	0,1	36.850	52.000	41%	5,7%	47%	KQ	06/10/25	4,9	6,4	15,5	1,1
CTG	Ngân hàng	5%	10.126	11,0	34.300	50.000	46%	0,0%	46%	MUA	15/05/26	8,8	7,5	12,4	1,4
VPB	Ngân hàng	6%	7.991	15,9	26.500	38.000	43%	1,9%	45%	MUA	18/05/26	8,8	6,8	12,4	1,2
MBB	Ngân hàng	1%	7.715	14,5	25.200	36.000	43%	2,0%	45%	MUA	21/05/26	7,6	6,3	12,4	1,4
MCH	Bán lẻ	85%	6.396	1,9	130.000	181.700	40%	4,6%	44%	PHTT	28/11/25	25,2	22,0	14,2	9,8
BMP	VLXD	19%	459	0,5	147.400	192.500	31%	10,9%	41%	MUA	12/11/25	9,9	8,6	13,6	3,8
ACG	Gỗ	12%	193	0,0	33.600	45.800	36%	5,1%	41%	MUA	15/07/25	10,6	8,4	15,5	1,1
SIP	KCN	47%	471	0,8	51.200	69.800	36%	3,9%	40%	MUA	22/12/25	10,2	9,6	18,9	2,3
MSN	Bán lẻ	75%	3.984	15,4	72.500	101.200	40%	0,0%	40%	MUA	21/05/25	25,5	24,7	12,0	2,9
NVL	Bất động sản	44%	1.219	10,5	13.350	18.600	39%	0,0%	39%	MUA	01/10/25	16,7	80,1	18,9	0,7
IDC	KCN	33%	633	2,0	43.900	58.000	32%	6,8%	39%	MUA	04/06/26	8,7	8,5	18,9	2,5
TCB	Ngân hàng	0%	8.471	16,8	31.450	42.600	35%	2,2%	38%	MUA	11/05/26	8,8	7,7	12,4	1,3
FRT	Bán lẻ	18%	854	2,6	132.000	178.800	35%	0,8%	36%	MUA	13/11/25	28,3	20,0	11,5	5,0

TLG	Văn phòng phẩm	89%	178	0,1	48.450	61.900	28%	7,2%	35%	MUA	12/09/25	10,4	7,9	8,8	2,0
NT2	Điện & Nước	38%	251	0,5	22.950	28.800	25%	8,7%	34%	MUA	28/05/26	6,9	6,2	11,9	1,3
PNJ	Bán lẻ	1%	1.323	2,6	68.000	88.900	31%	2,9%	34%	MUA	12/05/26	13,2	10,5	8,8	2,4
REE	Điện & Nước	0%	1.205	1,0	50.900	66.900	31%	2,0%	33%	MUA	22/04/26	12,5	11,0	12,0	1,5
KBC	KCN	41%	1.111	3,3	31.050	40.400	30%	3,2%	33%	MUA	01/06/26	13,9	12,1	18,9	1,2
PVD	Dầu khí	41%	639	5,0	30.250	40.300	33%	0,0%	33%	MUA	09/04/26	18,7	15,0	16,2	1,0
HDB	Ngân hàng	6%	4.804	16,4	25.250	33.000	31%	2,0%	33%	MUA	06/03/26	7,0	6,0	12,4	1,6
HDC	Bất động sản	47%	142	0,9	18.700	24.600	32%	0,0%	32%	KQ	09/01/26	5,8	12,0	18,9	1,3
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.379	1,4	48.800	59.000	21%	10,2%	31%	MUA	06/01/26	14,6	13,9	14,2	2,8
QTP	Điện & Nước	-1%	203	0,1	11.900	14.600	23%	8,4%	31%	MUA	10/12/25	5,3	8,1	11,9	0,9
SSI	Chứng khoán	68%	2.633	17,1	27.700	35.100	27%	3,6%	30%	MUA	08/12/25	17,0	15,2	18,1	1,8
MWG	Bán lẻ	0%	4.415	18,8	79.100	101.000	28%	1,3%	29%	MUA	14/10/25	16,5	13,9	11,5	3,3
FPT	CNTT	20%	4.681	34,5	72.300	90.300	25%	3,2%	28%	MUA	08/06/26	13,9	12,2	17,8	3,2
POW	Điện & Nước	46%	1.650	5,1	14.150	18.000	27%	0,0%	27%	MUA	29/05/26	18,1	15,1	11,9	1,1
ACB	Ngân hàng	5%	4.854	30,0	22.000	27.100	23%	3,2%	26%	MUA	21/05/26	7,3	6,4	12,4	1,3
VCB	Ngân hàng	10%	19.754	18,0	62.200	78.500	26%	0,0%	26%	MUA	18/05/26	16,0	13,5	12,4	2,2
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.687	7,2	59.000	70.300	19%	6,8%	26%	MUA	24/04/25	13,1	14,1	14,2	3,8
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	81%	466	0,6	58.500	71.600	22%	3,4%	26%	MUA	26/01/26	9,6	7,4	14,2	1,2
VRE	Bất động sản	37%	2.431	5,9	28.150	34.200	21%	3,6%	25%	PHTT	29/05/26	9,9	11,6	18,9	1,3
DPM	Phân bón	46%	611	2,9	23.650	28.000	18%	6,3%	25%	PHTT	25/05/26	18,1	9,9	13,3	1,4
GMD	GTVT	8%	1.277	3,3	78.800	95.500	21%	3,2%	24%	MUA	25/05/26	21,4	13,9	12,0	2,5
DXG	Bất động sản	30%	643	6,6	13.350	16.400	23%	0,0%	23%	MUA	06/04/26	73,2	76,5	18,9	1,2
DPG	Điện & Nước	31%	183	0,5	40.600	48.900	20%	1,5%	22%	MUA	11/06/26	12,5	13,1	13,6	1,7
GEX	Điện & Nước	42%	1.549	17,8	31.150	37.300	20%	1,1%	21%	MUA	30/12/25	26,6	29,8	12,0	2,1
BWE	Điện & Nước	47%	372	0,3	44.450	51.600	16%	2,9%	19%	MUA	13/05/26	11,5	12,3	11,9	1,6
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	675	0,2	48.300	53.400	11%	8,3%	19%	KQ	30/08/24	9,2	6,9	14,2	1,7
GAS	Dầu khí	47%	7.420	6,3	80.900	93.600	16%	3,1%	19%	MUA	14/04/26	17,5	15,8	11,9	2,8
PPC	Điện & Nước	45%	118	0,0	9.690	11.000	14%	5,2%	19%	KQ	10/12/25	19,1	9,6	11,9	0,7
VHM	Bất động sản	42%	21.076	28,6	135.000	153.700	14%	4,4%	18%	PHTT	29/05/26	13,2	10,1	18,9	2,1

BID	Ngân hàng	12%	11.884	9,6	42.950	50.500	18%	0,0%	18%	MUA	21/05/26	11,3	10,4	12,4	1,7
AST	DV Hàng không	3%	124	0,0	72.300	80.600	11%	4,8%	16%	MUA	26/08/25	13,0	12,6	11,5	4,7
TPB	Ngân hàng	6%	1.734	8,4	16.450	18.600	13%	3,0%	16%	MUA	20/05/26	6,2	5,9	12,4	1,0
DXS	Bất động sản	43%	167	0,7	7.580	8.800	16%	0,0%	16%	KQ	11/06/26	12,9	11,2	18,9	0,7
CTR	CNTT	44%	377	2,0	86.800	96.800	12%	1,7%	13%	KQ	14/04/26	16,6	14,2	13,6	4,5
VIB	Ngân hàng	1%	2.122	7,6	16.400	18.500	13%	0,0%	13%	KQ	23/05/25	7,7	6,3	12,4	1,1
SCS	DV Hàng không	20%	182	0,2	50.500	51.200	1%	10,9%	12%	PHTT	13/01/26	6,4	6,8	22,6	2,9
PHR	Công nghiệp	36%	334	1,6	64.900	71.300	10%	2,0%	12%	MUA	25/03/26	20,4	9,4	13,3	2,0
DHC	Công nghiệp	15%	138	0,2	37.700	40.100	6%	3,4%	10%	MUA	16/12/25	9,3	9,0	15,5	1,6
VTP	GTVT	45%	428	1,5	65.500	71.800	10%	0,0%	10%	PHTT	25/05/26	27,3	32,6	12,0	6,4
PLX	Xăng dầu	6%	1.867	7,2	38.650	41.100	6%	3,1%	9%	MUA	13/10/25	20,1	16,8	16,2	1,9
DGW	Bán lẻ	26%	353	1,4	42.000	45.400	8%	1,2%	9%	PHTT	18/11/25	16,9	15,0	11,5	2,6
TDM	Điện & Nước	49%	241	0,4	57.000	60.600	6%	2,3%	9%	KQ	13/05/26	32,8	31,8	11,9	2,4
ACV	Hàng không	47%	6.074	1,3	44.600	48.000	8%	0,0%	8%	PHTT	18/05/26	14,3	14,1	12,0	2,2
F88	Tài chính TT	42%	658	0,9	78.300	84.000	7%	0,0%	7%	KQ	21/01/26	24,0	17,5	#N/A	7,1
BSR	Lọc hóa dầu	48%	5.015	12,7	26.350	27.000	2%	2,7%	5%	PHTT	18/03/26	25,4	8,1	16,2	1,9
NKG	VLXD	45%	235	1,0	12.550	13.100	4%	0,0%	4%	PHTT	18/04/25	28,5	9,7	15,5	0,8
STB	Ngân hàng	18%	5.166	16,2	72.100	73.500	2%	0,0%	2%	PHTT	18/05/26	25,3	22,7	12,4	2,2
VEA	Ô-tô	48%	1.773	0,3	35.200	30.800	-13%	13,7%	1%	PHTT	28/10/25	6,4	6,6	12,0	1,6
OIL	Dầu khí	6%	541	1,7	13.800	12.700	-8%	0,7%	-7%	KQ	17/10/25	33,7	30,5	16,2	1,3
HSG	VLXD	45%	370	1,6	12.050	10.400	-14%	4,1%	-10%	PHTT	18/04/25	15,5	16,6	15,5	0,9
GVR	Công nghiệp	12%	5.405	4,2	35.550	30.500	-14%	1,1%	-13%	KQ	31/12/25	26,7	23,3	13,3	2,4
BVH	Bảo hiểm	22%	1.888	1,4	66.900	56.900	-15%	1,3%	-14%	KQ	26/05/25	16,7	15,9	12,8	2,0
LPB	Ngân hàng	4%	5.325	2,4	46.900	39.300	-16%	2,1%	-14%	KKQ	18/11/25	12,4	12,9	12,4	2,8
VJC	Hàng không	24%	4.206	29,4	143.900	114.000	-21%	0,0%	-21%	KQ	15/03/24	40,1	16,1	22,6	4,3
VIC	Bất động sản	45%	56.236	62,3	192.000	110.000	-43%	0,0%	-43%	BÁN	12/06/26	126,3	54,4	18,9	10,0

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
					P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	52	137.930	2.653	19	14,6	11,5	9,8	15,1	1,7	21,8	17,2	14,0	1,9	3,2%
KHẢ QUAN	16	19.574	1.223	4	15,8	16,2	12,6	16,7	2,3	24,8	19,0	14,3	2,5	1,9%
PHÙ HỢP TT	13	50.110	3.855	2	18,0	15,1	11,6	17,0	2,2	26,1	17,9	14,3	2,8	4,0%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.325	5.325	0	15,2	12,4	12,9	10,4	2,8	15,2	12,4	12,9	2,8	2,1%
BÁN	1	<u>56.236</u>	<u>56.236</u>	1	<u>120,0</u>	<u>126,3</u>	<u>54,4</u>	<u>72,4</u>	10,0	<u>120,0</u>	<u>126,3</u>	<u>54,4</u>	<u>10,0</u>	0,0%
TỔNG CỘNG	83	269.174	3.243	26	18,8	15,5	12,6	16,9	2,2	24,1	18,8	14,5	2,2	3,0%

	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
					P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	89.946	7.495	11	11,8	10,1	8,7	12,8	1,6	11,3	10,6	9,4	1,6	1,4%
Bảo hiểm	2	1.971	986	1	22,0	16,2	14,8	14,3	1,8	16,7	13,2	10,8	1,4	2,4%
Chứng khoán	1	2.633	2.633	1	22,2	17,0	15,2	21,5	1,8	22,2	17,0	15,2	1,8	3,6%
Tài chính thay thế	1	658	658	0	49,1	24,0	17,5	25,7	7,1	49,1	24,0	17,5	7,1	0,0%
Tiêu dùng	13	27.859	2.143	4	17,9	15,6	14,3	19,8	3,3	22,9	15,8	13,6	3,3	4,8%
CNTT	1	4.681	4.681	1	16,9	13,9	12,2	17,4	3,2	16,9	13,9	12,2	3,2	3,2%
Bất động sản	9	83.417	9.269	2	53,3	33,8	24,1	26,2	3,9	37,9	33,4	32,5	2,2	1,1%
Vật liệu	4	8.765	2.191	1	16,9	13,4	8,2	19,2	1,4	14,7	16,8	10,7	1,7	4,2%
Điện & Nước	12	6.489	541	1	22,5	14,5	13,5	17,4	1,4	28,1	16,6	13,9	1,4	3,0%
Dầu khí	10	18.014	1.801	2	25,7	18,7	11,6	21,4	2,0	36,4	29,3	12,9	1,6	3,3%
Công nghiệp	5	1.221	244	0	8,0	7,1	6,7	12,0	1,2	12,9	12,5	7,4	1,2	4,1%
Khu công nghiệp	7	<u>8.866</u>	<u>1.267</u>	1	<u>25,2</u>	<u>18,5</u>	<u>15,9</u>	<u>19,5</u>	<u>2,1</u>	<u>24,8</u>	<u>15,5</u>	<u>12,5</u>	<u>2,0</u>	<u>3,8%</u>
GTVT & Logistics	7	14.965	2.138	1	14,5	16,2	12,9	18,0	3,1	18,9	18,9	14,9	4,3	2,7%
TỔNG CỘNG	84	269.485	3.208	26	18,8	15,5	12,6	16,9	2,2	24,1	18,8	14,5	2,2	3,0%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	17%	14%	MUA	MUA	Nền tảng vững chắc, chuyển đổi đóng vai trò then chốt cho đà tăng trưởng dài hạn
BID	13%	8%	MUA	KQ	Tăng trưởng tín dụng quý 1/2026 tương đối tốt nhưng NIM gây thất vọng
CTG	65%	17%	MUA	MUA	NIM tiếp tục hồi phục tốt; chất lượng tài sản được duy trì vững chắc
HDB	19%	17%	KQ		ROE cao nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh và tối ưu quản trị chi phí; áp lực hiện hữu lên NIM
LPB	-10%	-4%	KKQ		Khởi đầu năm tương đối chậm với kết quả NIM và chất lượng tài sản thấp hơn kỳ vọng
MBB	14%	20%	MUA	MUA	Khả năng sinh lời cao với tiềm năng tái định giá
STB	-43%	11%	KQ	PHTT	Quá trình làm sạch bảng cân đối kế toán tiếp tục gây áp lực lên lợi nhuận quý 1/2026; áp lực dự phòng hạ nhiệt theo quý nhưng vẫn tăng mạnh YoY
TCB	12%	15%	MUA	MUA	Năng lực triển khai hiệu quả các trụ cột kinh doanh chính sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng lợi nhuận bất chấp các yếu tố vĩ mô bất lợi
TPB	0%	5%	MUA	MUA	Kết quả quý 1/2026 đạt kỳ vọng với tăng trưởng tín dụng khả quan nhưng NIM giảm, chất lượng tài sản suy yếu
VCB	10%	19%	MUA	MUA	Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ với NIM tiếp tục phục hồi
VIB	16%	22%	KQ		NIM tiếp tục giảm; thu nhập ngoài lãi thúc đẩy lợi nhuận
VPB	59%	29%	MUA	MUA	Chính sách hỗ trợ và nền tảng vốn vững chắc giúp thúc đẩy triển vọng đầu tư
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	-12%	68%	MUA		
BVH	19%	5%	KQ		Bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng vượt trội; thu nhập tài chính vững mạnh, mức dự phòng kỹ thuật thấp hỗ trợ khả năng sinh lời
SSI	52%	-7%	MUA		Lợi nhuận quý 1/2026 phù hợp với kỳ vọng nhờ doanh thu môi giới và cho vay kỳ quỹ cải thiện
F88	125%	37%	KQ		KQKD đang vượt kỳ vọng nhờ tăng trưởng cho vay mạnh mẽ dù trong mùa thấp điểm quý 1
Tiêu dùng					
CTR	23%	17%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS tăng 23% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu mạnh từ mảng xây dựng
DGW	88%	17%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 tăng trưởng mạnh 89% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu ở tất cả các mảng
FPT	14%	14%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo
FRT	71%	44%	MUA	MUA	Long Châu duy trì tăng trưởng vững chắc; FPT Shop tiếp tục ghi nhận lãi ròng
MSN (2)	101%	42%	MUA		Lợi nhuận tăng mạnh nhờ tăng trưởng toàn diện của mảng tiêu dùng - bán lẻ và giá khoáng sản lập đỉnh lịch sử

MCH	12%	15%	PHTT		Retail Supreme, chiến lược đổi mới và các ngành hàng phụ trợ thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng hai chữ số
MWG	76%	18%	MUA		LNST quý 1 tăng 80% YoY, doanh thu DMX tăng mạnh 33% YoY, biên lợi nhuận ròng BHX đạt 2,9%
PNJ	117%	26%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 117% YoY; doanh thu bán lẻ tăng 22% YoY trong quý 1/2026
QNS	0%	33%	KQ		Triển vọng mảng sửa chữa vật khả quan bù đắp cho chu kỳ giảm của ngành đường
SAB	51%	5%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS phục hồi 49% YoY sau năm 2025 đầy biến động
TLG	19%	20%	MUA		Kế hoạch năm 2026 thận trọng dù KQKD quý 1 tích cực
VEA	38%	-1%	PHTT		Lợi nhuận quý 1 tăng mạnh 38% YoY, phù hợp với kỳ vọng
VHC	38%	25%	MUA		Giá bán trung bình (ASP) xuất khẩu tăng giúp cải thiện biên lợi nhuận, nhưng lợi nhuận vẫn thấp hơn so với dự báo
VNM	25%	6%	MUA		Năng lực cạnh tranh mạnh, triển vọng tăng trưởng một chữ số trong năm 2026
GTVT & Logistics					
ACV	-5%	3%	PHTT		Chất lượng lợi nhuận duy trì ổn định dù có sự thay đổi cơ cấu; Lợi nhuận mảng an ninh được tái phân loại thành khoản mục riêng
AST	85%	6%	MUA		KQKD quý 1 tích cực; đà tăng trưởng khách quốc tế và kế hoạch mở rộng góp phần hỗ trợ tiềm năng tăng đối với dự báo
GMD (2)	32%	30%	MUA	BUY	Kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ trong năm 2026, định giá vẫn hấp dẫn
HVN	-8%	19%	PHTT		Lợi nhuận quý 1 vượt kỳ vọng nhờ đòn bẩy kinh doanh mạnh mẽ; biên lợi nhuận bình thường hóa đáng kể QoQ, rủi ro giá nhiên liệu đang được đánh giá
SCS	2%	-6%	PHTT		KQKD quý 1 khiêm tốn do tác động từ căng thẳng Trung Đông trong tháng 3
VJC	58%	N.A	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS tăng 58% YoY; mảng vận tải quốc tế dẫn dắt đà tăng trưởng
VTP	-30%	-16%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTS giảm 44% YoY do giá nhiên liệu tăng mạnh và chi phí SG&A cao
Bất động sản					
DXG	-37%	-4%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 giảm so với cùng kỳ khi lợi ích cổ đông thiểu số tăng cao và biên lợi nhuận giảm
DXS	374%	15%	KQ	KQ	Khối lượng giao dịch ổn định dự kiến sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng của lợi nhuận
HDC	277%	-51%	KQ		KQKD quý 1 tăng mạnh so với cùng kỳ từ mức nền thấp nhờ hoạt động bàn giao BĐS cải thiện
NVL	N.M.	-79%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 vượt dự báo cả năm 2026; tiềm năng tăng dự báo
KDH	130%	52%	MUA	MUA	Định giá hấp dẫn, lợi nhuận bước vào chu kỳ tăng trưởng
NLG	-51%	-18%	MUA	MUA	Doanh số bán BĐS tăng tốc thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi
VHM	850%	31%	KQ	PHTT	Hoạt động bán lô lớn sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng năm 2026
VIC	2%	132%	BÁN	BÁN	Doanh số bán BĐS và sản lượng bàn giao xe điện mạnh mẽ; Chủ tịch duy trì hỗ trợ; đòn bẩy tài chính dự kiến giảm nhờ tách mảng sản xuất VinFast

VRE	36%	-14%	KQ	PHTT	Hoạt động cho thuê bán lẻ ổn định sẽ hỗ trợ đà tăng trưởng của lợi nhuận cốt lõi trong năm 2026
Khu công nghiệp					
GVR	90%	15%	KQ		Lợi nhuận quý 1/2026 khả quan nhờ mảng cao su và thu nhập khác ròng cao hơn; vượt kỳ vọng của chúng tôi
IDC	-21%	3%	MUA	MUA	Quỹ đất lớn và các dự án sắp mở bán sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng của lợi nhuận
KBC	-77%	15%	MUA	MUA	Doanh số bàn giao đất KCN duy trì tốt giúp hỗ trợ tăng trưởng 2026/27
PHR	192%	118%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026 gấp ba lần YoY nhờ ghi nhận tiền đến bù tăng, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
SIP	-5%	6%	MUA		Lợi nhuận quý 1 giảm nhẹ so với cùng kỳ do thu nhập tài chính thấp hơn; phù hợp với kỳ vọng
SZC	-88%	11%	KQ		Lợi nhuận giảm mạnh do thay đổi phương pháp kế toán; dòng tiền từ KCN vẫn ổn định trong quý 1
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG	32%	26%	MUA		Doanh thu quý 1/2026 vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước khả quan; lợi nhuận cốt lõi phù hợp với dự báo
BMP	6%	15%	MUA		Lợi nhuận quý 1 tiếp tục duy trì ở mức cao trong lịch sử, tăng trưởng so với cùng kỳ quý trước và cùng kỳ năm trước
DGC	-50%	23%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 giảm 49% YoY; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
DHC	53%	3%	MUA		Triển vọng nửa đầu năm khả quan nhờ giá giấy thuận lợi và OCC giá thấp; lạm phát chi phí là rủi ro chính trong nửa cuối năm
HPG	169%	68%	MUA	MUA	KQKD quý 1 tích cực nhờ doanh thu và biên lợi nhuận mỏng thép cải thiện; ghi nhận lãi một lần từ thoái vốn bất động sản
HSG (1)	-42%	-5%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi và biên lợi nhuận quý 2 phục hồi nhờ giá thép tăng do căng thẳng Trung Đông, nhưng vẫn thấp hơn so với dự báo
NKG	-66%	202%	PHTT		KQKD quý 1 yếu khi lợi nhuận từ HĐKD tiếp tục ghi nhận lỗ; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
PTB	10%	-19%	KQ		KQKD mảng gỗ và BĐS vượt kỳ vọng; tiềm năng tăng đối với dự báo năm 2026
STK	-167%	231%	KQ		Lỗ ròng trong quý 1 do sản lượng yếu và áp lực chi phí từ Unitex; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
Điện & Nước					
BWE (2)	20%	-8%	MUA	MUA	KQKD mảng nước khả quan nhưng vẫn có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo
GEX	5%	-10%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi tăng mạnh nhờ mảng thiết bị điện và VLXD, tuy nhiên bị ảnh hưởng bởi mức chi phí tài chính cao
HDG	-68%	22%	KQ		Khoản dự phòng cho dự án Infra 1 làm át việc ghi nhận doanh thu tại Charm Villas, rủi ro giảm đối với dự báo
NT2	395%	-16%	MUA		LNST dự kiến tăng khoảng 5 lần YoY từ nền thấp của quý 1/2025; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ
PC1	227%	N/A	N/A		LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo tăng gấp 3,3 lần YoY nhờ hoạt động bán BĐS và khoản thu từ việc thoái vốn
POW	170%	-1%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1/2026 tăng gần gấp 3 lần YoY, tương đương ~50% dự báo cả năm của chúng tôi với tiềm năng tăng

PPC	83%	99%	KQ		LNST cốt lõi quý 1 yếu cho thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với năm 2026
QTP	14%	-35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng 14% YoY nhờ chênh lệch giá cải thiện và chi phí khấu hao giảm
REE	17%	17%	MUA		Lợi nhuận tăng trưởng trên tất cả các mảng, nhìn chung phù hợp kỳ vọng
TDM (2)	-61%	-7%	KQ	KQ	LNST từ hoạt động sản xuất nước trong quý 1 năm 2026 đạt 17% dự báo cả năm, có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận.
TV2	91%	184%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng gần gấp đôi YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng củng cố triển vọng doanh thu EPC cao trong năm 2026
DPG	7%	65%	MUA		Doanh số bán BĐS thấp hơn kỳ vọng, rủi ro giảm đối với dự báo lợi nhuận
VGC	-33%	12%	MUA		Doanh số cho thuê KCN tích cực củng cố tiềm năng tăng đối với dự báo
Dầu khí					
BSR	1970%	215%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng mạnh nhờ đà tăng trưởng của sản lượng và mức crack spread tích cực; KQKD vượt kỳ vọng của chúng tôi
DCM (2)	91%	61%	MUA	MUA	Tồn kho cao cuối Q1 hỗ trợ KQKD Q2; có tiềm năng tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS
DPM	96%	82%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTS tăng gấp đôi YoY trong quý 1, kỳ vọng kết quả mạnh mẽ hơn trong quý 2
GAS	7%	10%	MUA		Lợi nhuận quý 1 ghi nhận tăng trưởng nhờ sự gia tăng của sản lượng, phù hợp với dự báo
OIL (2)	1958%	39%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 tăng mạnh nhờ lợi nhuận từ hàng tồn kho và đà tăng trưởng sản lượng tích cực; kết quả vượt kỳ vọng
PLX (2)	-754%	19%	MUA		Giá sản phẩm xăng dầu điều chỉnh giảm mạnh, kích hoạt trích lập dự phòng hàng tồn kho, dẫn đến khoản lỗ trong quý 1/2026
PLC	277%	55%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 bị kéo giảm bởi mảng hóa chất bất chấp mức tăng trưởng tích cực của mảng nhựa đường và dầu nhờn; KQKD nhìn chung thấp hơn dự báo của chúng tôi
PVD (2)	33%	7%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 tăng gấp 3,7 lần YoY nhờ KQKD tích cực của mảng khoan và dịch vụ giếng khoan; phù hợp với kỳ vọng
PVS (2)	32%	49%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 tăng 33% YoY nhờ mức tăng mạnh của biên lợi nhuận gộp mảng M&C; phù hợp kỳ vọng
PVT (2)	32%	49%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng 48% YoY nhờ giá cước vận tải dầu tăng, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.806,2	-1,7
VN 30	1.957,2	-3,0
VN Mid	2.177,8	4,9
VNSmall	1.365,9	8,8

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	330,2	10,6
HNX30	528,3	1,5
VNX Allshare	2.933,6	-0,2

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	127,1	0,3

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	7.075,4	29,2%
Khối ngoại mua	1.644,0	6,8%
Khối ngoại bán	4.818,7	19,9%
Tổng giao dịch	24.208,6	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	95,7	9,1%
Khối ngoại mua	29,0	2,8%
Khối ngoại bán	53,9	5,1%
Tổng giao dịch	1.046,3	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	271,2	44,6%
Khối ngoại mua	7,5	1,2%
Khối ngoại bán	29,9	4,9%
Tổng giao dịch	608,7	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VSC	1.300	6,9%
PET	3.600	6,8%
FTS	1.700	6,7%
ANV	1.100	5,3%
VJC	5.900	4,3%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
THD	18.200	10,0%
KSF	2.600	3,4%
API	200	3,2%
VGS	600	2,8%
TNG	500	2,6%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VGR	6.495	7,7%
VBB	732	5,6%
MSR	1.236	3,2%
ABW	325	2,9%
VNZ	8.615	2,4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
HVN	-1.550	-6,4%
LDG	-220	-6,1%
VPI	-1.500	-2,4%
SHI	-300	-2,1%
KOS	-800	-2,1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
MST	-200	-2,2%
HUT	-200	-1,3%
VC7	-100	-1,2%
NDN	-100	-0,9%
SLS	-1.200	-0,8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
LIC	-1.242	-3,9%
F88	-2.239	-2,8%
VIW	-477	-1,6%
ACV	-691	-1,5%
PHP	-596	-1,5%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VIC	2.854
TCB	1.176
HCM	1.074
VHM	980
FPT	857

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	294
CEO	114
HUT	110
MBS	90
IDC	78

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VGR	256
MSR	68
ACV	38
VGI	33
ABB	29

Cổ phiếu KLGĐ nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
FTS	5.297.995	672.517
BSI	1.556.783	252.602
C32	1.580.195	268.618
ACC	906.246	163.975
APG	1.811.224	391.299
VSC	18.491.836	4.271.238
CTS	3.987.166	929.133
AGG	2.116.734	507.025
HCM	38.651.128	10.234.028
VDS	2.207.567	588.583

Cổ phiếu KLGĐ nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
TIG	3.051.246	955.347
TNG	1.371.124	453.756
DVM	184.122	66.879
EVS	300.731	126.052
SVN	662.285	322.866
NAG	108.492	58.034
BVS	381.882	223.555
NDN	203.067	133.244
VGS	343.330	232.481
IDC	1.782.971	1.215.422

Cổ phiếu KLGĐ nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
VBB	241.660	63.503
ABW	387.200	105.685
DDV	731.767	347.378
AAS	1.028.037	552.583
ABB	1.721.114	1.076.764
MSR	1.679.453	1.187.335
SBS	595.985	460.997
AAH	316.749	257.923
F88	210.741	175.131
VGT	497.740	422.070

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.799,2		13,9	2,1	17,4
TCX	4.535,6	90,6	19,5	2,6	14,4
VCK	3.157,3	96,5	19,0	2,8	19,1
SSI	2.634,4	68,3	12,9	1,8	13,9
VPX	1.996,3	95,7	12,4	1,5	14,0
VIX	1.672,5	92,0	5,8	2,0	25,6

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	613,2		12,3	1,6	13,3
BVH	1.888,4	21,8	16,8	2,0	12,1
PVI	689,4	43,1	13,7	2,1	15,4
BIC	190,2	7,4	10,6	1,5	14,9
VNR	152,6	22,8	8,5	1,0	11,6
MIG	145,2	83,5	11,7	1,4	12,4

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.896,6		19,5	3,8	22,6
ACV	6.076,7	47,2	15,0	2,2	15,7
MVN	2.747,3	0,0	30,8	4,9	16,9
GEE	2.335,7	48,9	18,2	8,0	45,2
VEA	1.773,6	47,6	6,1	1,6	26,3
GEX	1.549,9	42,3	27,4	2,1	8,8

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.755,4		16,2	4,3	27,3
MCH	6.399,0	84,6	24,3	9,8	40,3
VNM	4.688,8	51,2	12,0	3,8	31,7
MSN	3.986,2	75,2	22,2	2,9	14,4
SAB	2.380,0	41,4	13,0	2,8	22,0
PNJ	1.323,2	0,9	9,6	2,4	28,0

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.760,8		15,5	1,5	11,5
BSR	5.017,2	47,5	10,1	1,9	21,5
PLX	1.867,4	6,0	27,6	1,9	7,0
PVS	739,0	33,2	10,1	1,3	13,1
PVD	639,4	41,3	14,1	1,0	7,1
OIL	541,2	6,4	15,4	1,3	8,6

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.416,2		13,5	2,2	17,0
GAS	7.422,9	46,9	16,8	2,8	17,3
POW	1.650,7	45,6	12,6	1,1	9,2
REE	1.205,6	0,0	12,1	1,5	12,8
PGV	1.014,6	50,0	6,1	1,5	26,2
DNH	787,0	0,0	19,7	3,9	19,3

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	17.091,1		178,4	7,0	24,2
VIC	56.261,2	44,9	127,5	10,0	8,0
VHM	21.085,3	42,5	8,6	2,1	27,8
THD	2.942,6	48,9	741,2	17,4	2,4
KSF	2.733,8	50,0	5,7	4,1	68,2
VRE	2.432,3	36,8	9,3	1,3	14,6

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.650,5		9,6	1,6	17,6
VCB	19.762,8	9,7	14,5	2,2	16,1
BID	11.889,8	12,4	9,8	1,7	18,4
CTG	10.130,3	5,1	7,0	1,4	21,9
TCB	8.474,5	0,5	8,6	1,3	15,6
VPB	7.994,9	5,8	8,0	1,2	16,4

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.648,7		30,7	4,7	49,8
VPL	6.089,5	47,2	63,6	4,2	6,9
MWG	4.416,8	0,1	14,3	3,3	25,4
VJC	4.208,4	23,6	43,8	4,3	10,1
HVN	2.674,0	21,7	7,5	6,8	181,3
FRT	854,8	17,8	24,6	5,0	25,1

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.755,4		16,2	4,3	27,3
HPG	6.399,0	27,4	24,3	9,8	40,3
GVR	4.688,8	12,4	12,0	3,8	31,7
MSR	3.986,2	99,5	22,2	2,9	14,4
KSV	2.380,0	0,0	13,0	2,8	22,0
DCM	1.323,2	40,2	9,6	2,4	28,0

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.760,8		15,5	1,5	11,5
DHG	5.017,2	46,0	10,1	1,9	21,5
IMP	1.867,4	5,2	27,6	1,9	7,0
DHT	739,0	9,3	10,1	1,3	13,1
DVN	639,4	0,0	14,1	1,0	7,1
DBD	541,2	84,2	15,4	1,3	8,6

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.416,2		13,5	2,2	17,0
FPT	7.422,9	19,7	16,8	2,8	17,3
CMG	1.650,7	13,4	12,6	1,1	9,2
SAM	1.205,6	48,5	12,1	1,5	12,8
SGT	1.014,6	-5,5	6,1	1,5	26,2
ELC	787,0	46,8	19,7	3,9	19,3

Nguồn: Fiiipro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

See important disclosure at the end of this document

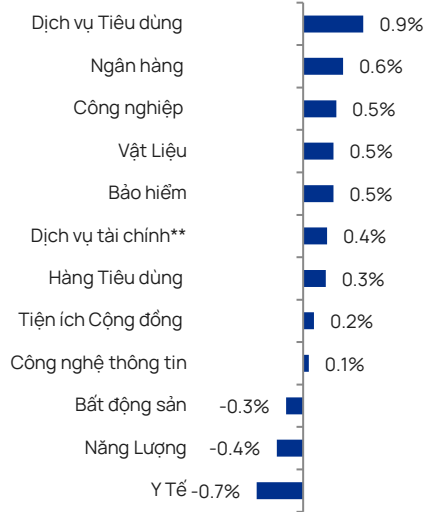
www.vietcap.com.vn

17/6/2026 | 19

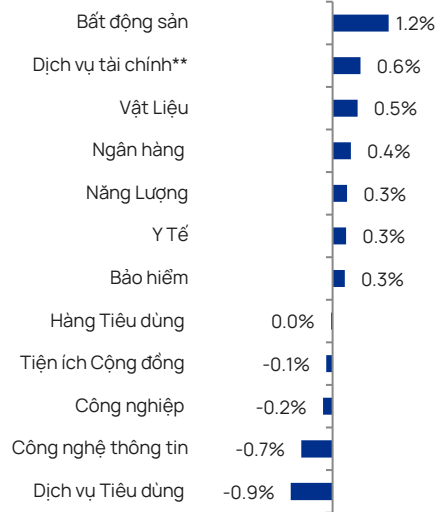
Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

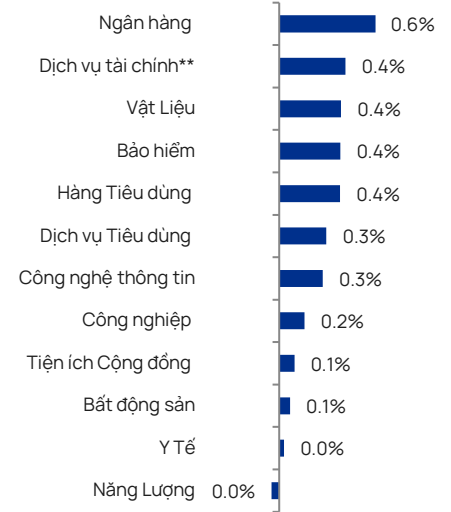


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



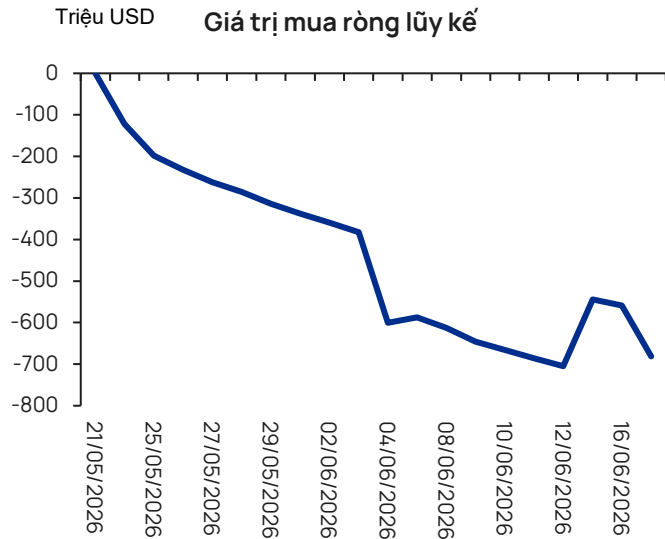
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)

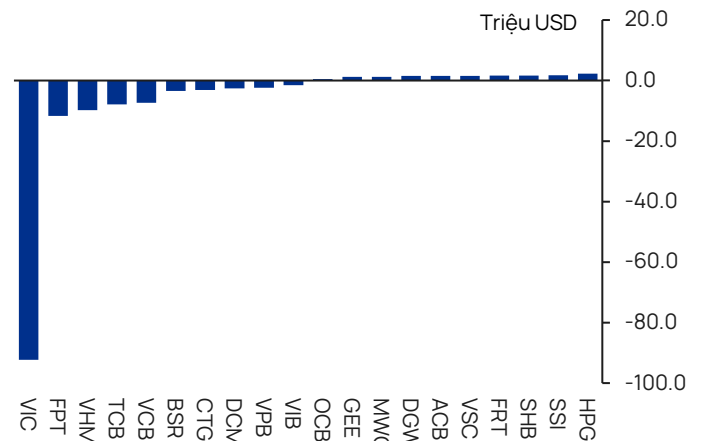


Nguồn: HSX, HNX, Fiiopro

** ngoại trừ ngân hàng

Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

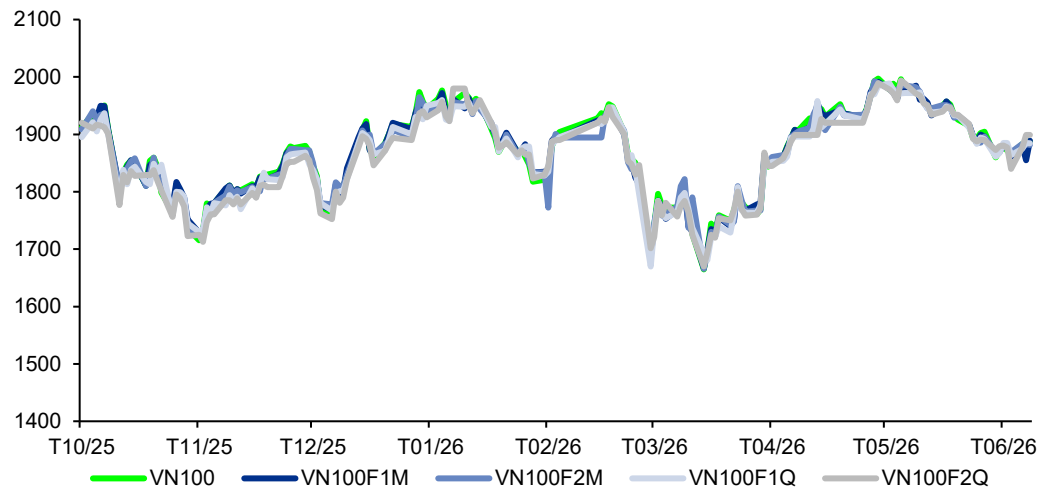
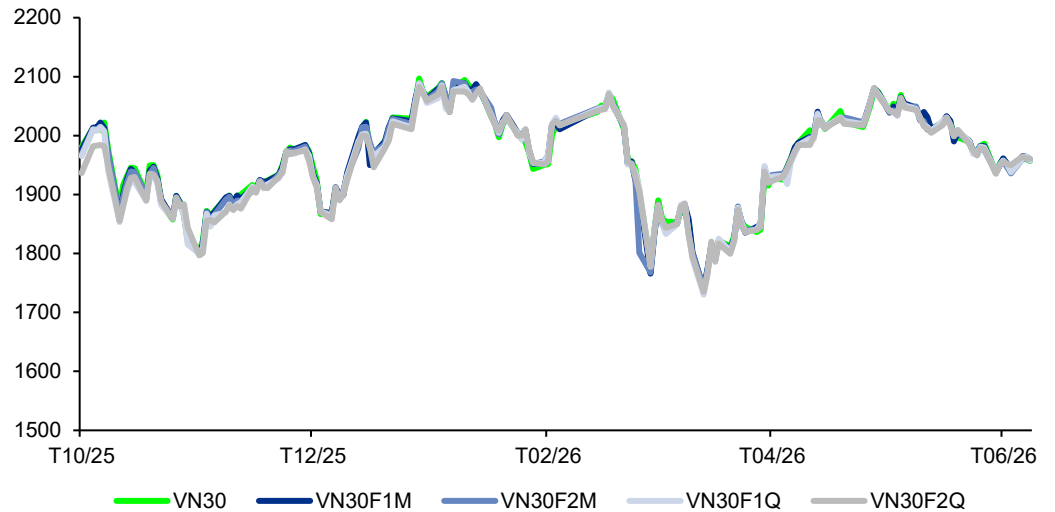
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.959,9	-4,1	-0,2%	2,7
VN30F2M	1.957,3	-4,7	-0,2%	0,1
VN30F1Q	1.957,7	-7,1	-0,4%	0,5
VN30F2Q	1.960,5	-0,5	0,0%	3,3
VN100F1M	1.888,7	33,6	1,8%	1,4
VN100F2M	1.881,7	-0,9	0,0%	-5,6
VN100F1Q	1.884,3	-0,6	0,0%	-3,0
VN100F2Q	1.898,9	0,0	0,0%	11,6

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	24.529	-24,4%	160,83	28,2%
VN30F2M	10.159	165,2%	6,84	97,6%
VN30F1Q	562	1,6%	0,07	144,8%
VN30F2Q	245	0,4%	0,02	7,1%
VN100F1M	27	-30,8%	0,01	-45,8%
VN100F2M	10	233,3%	0,01	-25,0%
VN100F1Q	16	-11,1%	0,00	-66,7%
VN100F2Q	7	-12,5%	0,00	-100,0%

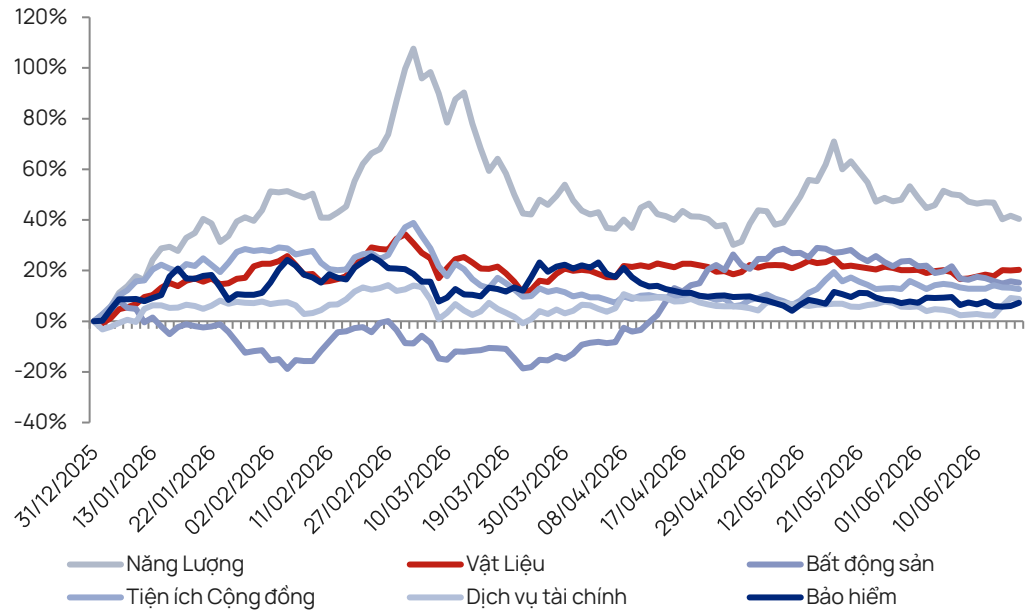


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

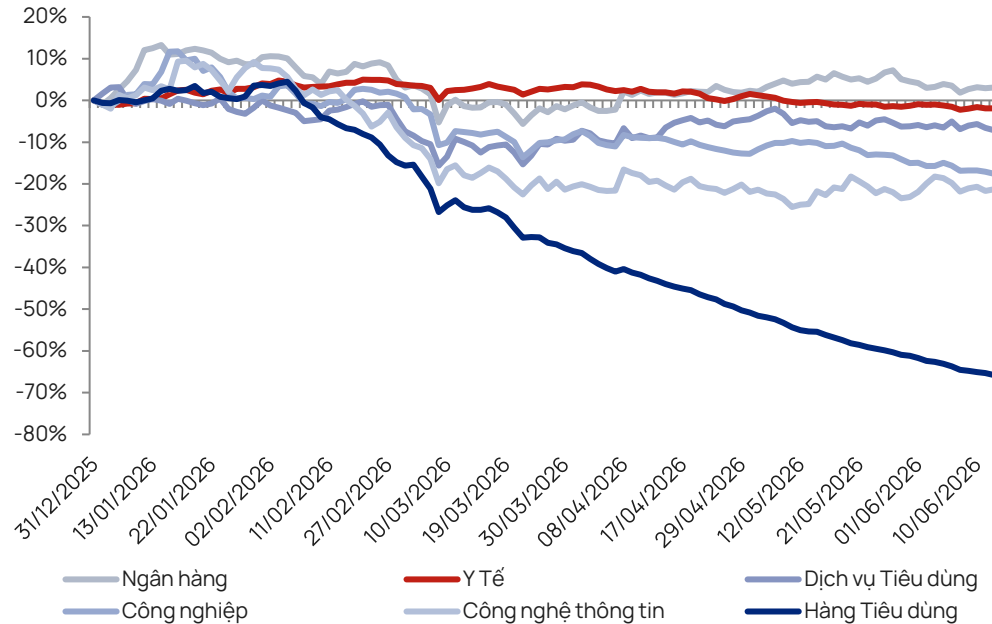
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



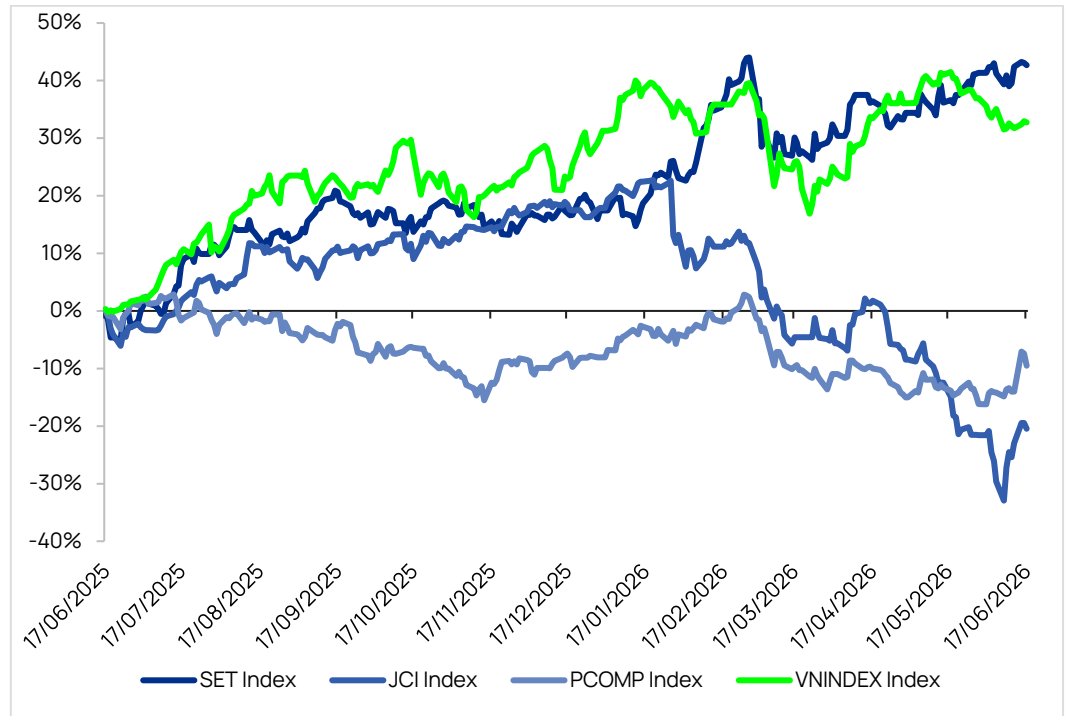
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



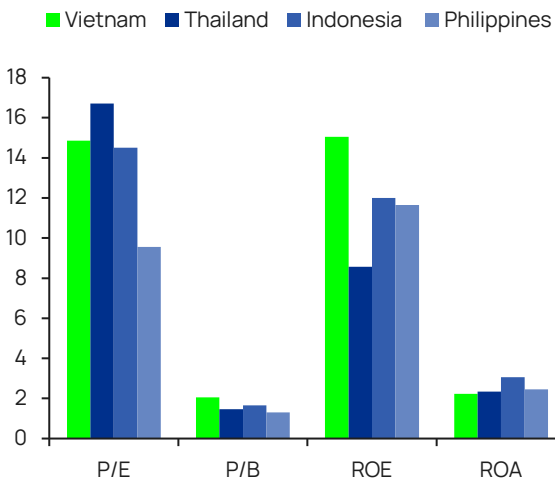
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,7	14,5	9,6	14,9
P/B	1,5	1,7	1,3	2,1
ROE (%)	8,6	12,0	11,6	15,1
ROA (%)	2,3	3,1	2,5	2,2
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	615,8	606,7	148,9	321,1
GTGD trung bình, tr USD	1.486,9	1.171,5	81,9	1.020,5
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	809,0	-3.904,2	-204,6	-2.616,7
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	144,1	(3,8)	39,6	112,0
Lợi suất TPCP 5 năm	1,58%	6,92%	6,50%	4,15%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A - Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516
- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vinh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán - Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán - Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.